

BẢNG ĐIỂM

Toán cơ sở(122.1)_LT_03

Học kỳ: 1_2022-2023. Giảng viên: Phạm Thị Hải Châu

| TT | Mã học viên | Họ | Tên | Điểm Kiểm tra thường xuyên |
|----|-----------------|-------------------|-------|----------------------------|
| 1 | 225714020130112 | NGUYỄN THỊ NGỌC | AN | 7.9 |
| 2 | 225714020130011 | NGUYỄN THUÝ | AN | 7.3 |
| 3 | 225714020130158 | LÊ THỊ | ANH | 6.9 |
| 4 | 225714020130089 | NGUYỄN NGỌC | ANH | 7.2 |
| 5 | 225714020130054 | NGUYỄN NGỌC | ÁNH | 7.6 |
| 6 | 225714020130014 | NGUYỄN THỊ DUNG | ANH | 8.3 |
| 7 | 225714020130105 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | ANH | 8.0 |
| 8 | 225714020130085 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | ANH | 10.0 |
| 9 | 225714020130128 | NGUYỄN THỊ VÂN | ANH | 8.4 |
| 10 | 225714020130051 | PHAN TRẦN QUỲNH | ANH | 6.4 |
| 11 | 225714020130137 | LO THỊ ANH | BẢO | 7.0 |
| 12 | 225714020130070 | ĐẶNG THỊ THÀNH | CHÂU | 7.1 |
| 13 | 225714020130052 | CAO THỊ LÊ | CHI | 7.8 |
| 14 | 225714020130035 | CAO THỊ MAI | CHI | 7.9 |
| 15 | 225714020130170 | NGUYỄN KHÁNH | CHI | 7.5 |
| 16 | 225714020130056 | NGUYỄN THỊ HÀ | CHI | 7.4 |
| 17 | 225714020130132 | PHAN TÙNG | CHI | 7.6 |
| 18 | 225714020130113 | VŨ THỊ HỒNG | DỊU | 7.3 |
| 19 | 225714020130114 | ĐINH THỊ VÂN | DUNG | 10.0 |
| 20 | 225714020130097 | LÔ THỊ THÙY | DUNG | 8.4 |
| 21 | 225714020130117 | PHAN THỊ KIM | DUNG | 7.6 |
| 22 | 225714020130039 | TRẦN THỊ THUỶ | DUNG | 8.6 |
| 23 | 225714020130119 | LÔ THỊ | ĐÀO | 7.6 |
| 24 | 225714020130144 | LÊ THỊ | GIANG | 7.0 |
| 25 | 225714020130086 | LÊ THỊ | GIANG | 8.8 |
| 26 | 225714020130090 | TRẦN THỊ HƯƠNG | GIANG | 6.5 |
| 27 | 225714020130046 | NGUYỄN THỊ | HÀ | 8.8 |
| 28 | 225714020130174 | PHAN THỊ THU | HÀ | 0.0 |
| 29 | 225714020130053 | HOÀNG THỊ | HẠNH | 7.8 |

| TT | Mã học viên | Họ | Tên | Điểm Kiểm tra thường xuyên |
|----|-----------------|------------------|-------|----------------------------|
| 30 | 225714020130078 | HỒ THỊ | HẰNG | 7.8 |
| 31 | 225714020130026 | LŨ THỊ | HẰNG | 7.7 |
| 32 | 225714020130102 | NGUYỄN THỊ | HẰNG | 8.8 |
| 33 | 225714020130177 | PHAN THỊ NGỌC | HÂN | 8.8 |
| 34 | 225714020130082 | BÙI THỊ MINH | HIỀN | 8.4 |
| 35 | 225714020130166 | HOÀNG THỊ THU | HIỀN | 7.4 |
| 36 | 225714020130124 | LÊ THỊ | HIỀN | 8.5 |
| 37 | 225714020130034 | LÊ THỊ TÚ | HIỀN | 8.5 |
| 38 | 225714020130104 | LƯƠNG THỊ MAI | HIỀN | 7.3 |
| 39 | 225714020130084 | NGUYỄN THỊ | HIỀN | 7.3 |
| 40 | 225714020130010 | NGUYỄN THỊ | HIỀN | 8.0 |
| 41 | 225714020130091 | NGUYỄN THỊ THU | HIỀN | 8.2 |
| 42 | 225714020130127 | PHAN THANH | HIỀN | 8.0 |
| 43 | 225714020130145 | PHAN THỊ | HIỀN | 8.7 |
| 44 | 225714020130182 | SẦM THỊ | HIẾU | 7.6 |
| 45 | 225714020130049 | NGUYỄN THỊ | HÒA | 9.2 |
| 46 | 225714020130006 | BÙI THỊ | TRANG | 9.7 |
| 47 | 225714020130180 | NGUYỄN THỊ NGỌC | TRÂM | 9.1 |
| 48 | 225714020130095 | LƯƠNG THỊ YẾN | VY | 8.1 |
| 49 | 225714020130146 | HOA THỊ | XUÂN | 8.1 |
| 50 | 225714020130007 | NGUYỄN THỊ CHIỀU | XUÂN | 7.6 |

Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2023

Trưởng bộ môn

Giảng viên